TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 600/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Min., ngày 15 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 422/2026/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phan Nhật H, sinh năm: 1997

CCCD số: 079097011563Cấp ngày: 20/5/2019

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ B, Ấp A, xã T, TP ..

Bà Trần Yến N, sinh năm: 1999

CCCD số: 072199002578Cấp ngày: 29/8/2016

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ B, Ấp A, xã T, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Minh C, nam, sinh ngày 18/5/2019. Khi ly hôn, bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H thỏa thuận giao trẻ Phan Trần Minh C cho ông Phan Nhật H, bà Trần Yến N không cấp dưỡng, nuôi con

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/8/2019 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Minh C, nam, sinh ngày 18/5/2019. Khi ly hôn bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H thỏa thuận giao trẻ Phan Trần Minh C cho ông Phan Nhật H, bà Trần Yến N không cấp dưỡng, nuôi con.

Bà Trần Yến N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016962 ngày 19/3/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Yến N và ông Phan Nhật H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND Khu Vực 10 (2);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (2).
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới